

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 9 – 2022

Về việc yêu cầu  
không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Thanh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Việt H

Địa chỉ: Ấp Long An, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Cao Hồng G

Địa chỉ: Thôn ĐH, xã HS, huyện MH, tỉnh Quảng Bình – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Tô Thị Việt H trình bày: Bà và ông Cao Hồng G có quen biết, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, không có đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, đời sống không còn hạnh phúc. Khi bà có thai cũng vào năm 2008 thì bà và ông G sống ly thân cho đến nay. Thấy không thể hòa hợp nên yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố bà và ông G không phải là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là Cao Hồng P (nam) sinh ngày 20/02/2008, hiện cháu P đang sống cùng bà H. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Cao Hồng G trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H, thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố ông và bà H không phải vợ chồng để bà H có thể kết hôn với người khác.

Về con chung: Có 01 con chung là Cao Hồng P (nam) sinh ngày 20/02/2008, hiện cháu P đang sống cùng bà H, sau khi tòa án tuyên bố ông và bà H không phải vợ chồng, ông đồng ý để bà H nuôi cháu P, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Bà Tô Thị Việt H và ông Cao Hồng G vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà H, ông G vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Việt H về việc tuyên bố bà và ông Cao Hồng G không phải vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Cao Hồng P (nam) sinh ngày 20/02/2008 cho bà Tô Thị Việt H nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung nên ông G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Tô Thị Việt H và ông Cao Hồng G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố bà và ông G không phải là vợ chồng. Ông G có địa chỉ cư trú tại Thôn Đặng Hóa, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, bà H có địa chỉ cư trú tại ấp Long An, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, hai bên thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A giải quyết vụ án nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu THnh A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Giữa bà H và ông G tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà H và ông G phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đời sống không hạnh phúc. Bà H và ông G đã không còn chung sống với nhau từ năm 2008 đến nay. Vì vậy, căn cứ Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của bà H đối với ông G.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông G khai thống nhất có một con chung là Cao Hồng P (nam) sinh ngày 20/02/2008. Ông G và bà H thống nhất giao cháu P cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu P cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung nên ông G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Cao Thị Việt H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, 83, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Việt H đối với ông Cao Hồng G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tô Thị Việt H và ông Cao Hồng G.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Hồng P (nam) sinh ngày 20/02/2008 cho bà Tô Thị Việt H nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Bà H không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung nên ông G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Cao Hồng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Tô Thị Việt H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0012097 ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà H đã nộp xong án phí).

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chúc Linh**